

Số: 20/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 11 tháng 7 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã  
của tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2019-2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 20/7/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021;

Căn cứ Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021;

Sau khi xem xét Tờ trình số 142/TTr-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua Đề án “Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2019-2021”; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND tỉnh;

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Đề án “Sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp xã của tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2019-2021”, với nội dung sắp xếp 40 ĐVHC cấp xã để thành lập 19 ĐVHC cấp xã ở 09 huyện thuộc tỉnh Bắc Giang, cụ thể:

1. Huyện Hiệp Hòa: Nhập xã Đức Thắng vào thị trấn Thắng. Sau sắp xếp, huyện Hiệp Hòa có 25 ĐVHC cấp xã.

2. Huyện Lạng Giang: Nhập xã Phi Mô vào thị trấn Vôi; nhập xã Tân Thịnh vào thị trấn Kép. Sau sắp xếp, huyện Lạng Giang có 21 ĐVHC cấp xã.

3. Huyện Lục Nam: Nhập thị trấn Lục Nam và xã Tiên Hưng vào thị trấn Đồi Ngô. Sau sắp xếp, huyện Lục Nam có 25 ĐVHC cấp xã.

4. Huyện Lục Ngạn: Nhập xã Nghĩa Hồ vào thị trấn Chũ. Sau sắp xếp, huyện Lục Ngạn có 29 ĐVHC cấp xã.

5. Huyện Sơn Động: Nhập xã Thạch Sơn với xã Phúc Thắng để thành lập xã Phúc Sơn; nhập xã Vĩnh Khương với xã An Lập để thành lập xã Vĩnh An; Nhập xã Chiên Sơn với xã Quế Sơn để thành lập xã Đại Sơn; nhập xã An Châu vào thị trấn An Châu; nhập xã Tuấn Mậu với thị trấn Thanh Sơn để thành lập thị trấn Tây Yên Tử; nhập xã Bồng Am vào xã Tuấn Đạo. Sau sắp xếp, huyện Sơn Động có 17 ĐVHC cấp xã.

6. Huyện Tân Yên: Nhập xã Nhã Nam vào thị trấn Nhã Nam; nhập xã Cao Thượng vào thị trấn Cao Thượng. Sau sắp xếp, huyện Tân Yên có 22 ĐVHC cấp xã.

7. Huyện Yên Dũng: Nhập xã Tân An với thị trấn Tân Dân để thành lập thị trấn Tân An; nhập xã Thắng Cương và xã Nham Sơn vào thị trấn Neo để thành lập thị trấn Nham Biên. Sau sắp xếp, huyện Yên Dũng có 18 ĐVHC cấp xã.


8. Huyện Yên Thế: Nhập xã Bồ Hạ vào thị trấn Bồ Hạ; nhập xã Phồn Xương với thị trấn Cầu Gò để thành lập thị trấn Phồn Xương. Sau sắp xếp, huyện Yên Thế có 19 ĐVHC cấp xã.

9. Huyện Việt Yên: Nhập xã Bích Sơn vào thị trấn Bích Động; nhập xã Hoàng Ninh vào thị trấn Nénh. Sau sắp xếp, huyện Việt Yên có 17 ĐVHC cấp xã.

*(Chi tiết có biểu kèm theo)*

**Điều 2.** Giao UBND tỉnh hoàn thiện hồ sơ sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2019-2021 trình Chính phủ theo quy định.

Nghị quyết này được kỳ họp thứ 7, HĐND tỉnh khóa XVIII thông qua./.

*Nơi nhận:* 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, TH.

**Bản điện tử:**

- TT Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, VP. UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Các Sở, cơ quan, ban, ngành trực thuộc Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng.

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Văn Hải**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP DVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2019-2021

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 11/7/2019)

TT	Tên đơn vị hành chính	Dân số (người)		Diện tích (km <sup>2</sup> )		Đơn vị hành chính cấp xã mới						Ghi chú
		Số người	Đạt %	km <sup>2</sup>	Đạt %	Tên xã, thị trấn	Dân số	Đạt %	Diện tích	Đạt %		
I Phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã có cả 2 tiêu chuẩn dưới 50% thuộc diện phải sắp xếp giai đoạn 2019-2021												
1	Xã Thạch Sơn, huyện Sơn Động	486	9.72%	20.65	41.30%	Xã Phúc Sơn	1,822	36.44	39.39	78.78		
2	Xã Phúc Thắng, huyện Sơn Động	1,336	26.72%	18.74	37.48%							
3	Xã Vĩnh Khương, huyện Sơn Động	2,068	41.36%	16.55	33.10%	Xã Vĩnh An	7,576	151.52	28.93	57.86		
4	Xã An Lập, huyện Sơn Động	5,508	110.16%	12.38	24.76%							
5	Xã Chiên Sơn, huyện Sơn Động	2,299	45.98%	5.68	11.36%	Xã Đại Sơn	5,502	110.04	15.59	31.18		
6	Xã Quế Sơn, huyện Sơn Động	3,203	64.06%	9.91	19.82%							
7	Thị trấn Lục Nam, huyện Lục Nam	3,839	47.99%	1.65	11.79%							
8	Xã Tiên Hưng, huyện Lục Nam	6,150	123.00%	7.45	14.90%	Thị trấn Đồi Ngô	18,968	237.10	13.69	97.79		
9	Thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam	8,979	112.24%	4.59	32.79%							
10	Thị trấn Kép, huyện Lạng Giang	2,672	33.40%	0.61	4.36%	Thị trấn Kép	11,832	147.90	9.64	68.86		
11	Xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang	9,160	183.20%	9.03	18.06%							
12	Thị trấn Cầu Gò, huyện Yên Thế	3,980	49.75%	1.96	14.00%	Thị trấn Phồn Xương	8,436	105.45	8.55	61.07		
13	Xã Phồn Xương, huyện Yên Thế	4,456	89.12%	6.59	13.18%							
14	Thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên	3,173	39.66%	1.32	9.43%	Thị trấn Nhã Nam	8,200	102.50	5.6	40.00		
15	Xã Nhã Nam, huyện Tân Yên	5,027	100.54%	4.28	8.56%							
16	Xã Thắng Cường, huyện Yên Dũng	2,358	47.16%	5.18	10.36%							
17	Xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng	5,588	111.76%	10.98	21.96%	Thị trấn Nham Biền	14,220	177.75	21.96	156.857		
18	Thị trấn Neo, huyện Yên Dũng	6,274	78.43%	5.80	41.43%							

TT	Tên đơn vị hành chính	Dân số (người)		Diện tích (km <sup>2</sup> )		Đơn vị hành chính cấp xã mới				Ghi chú				
		Số người	Đạt %	km <sup>2</sup>	Đạt %	Tên xã, thị trấn	Dân số	Đạt %	Diện tích		Đạt %			
		<b>II Phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện khuyến khích để giảm đơn vị hành chính</b>												
1	Xã Bồ Hạ, huyện Yên Thế	6,371	127.42%	6.27	12.54%	Thị trấn Bồ Hạ					10,408	130.10	7.27	51.93
2	Thị trấn Bồ Hạ, huyện Yên Thế	4,037	50.46%	1.00	7.14%									
3	Xã Bồng Am, huyện Sơn Động	892	17.84%	30.41	60.82%	Xã Tuấn Đạo					5,394	107.88	97.87	195.74
4	Xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động	4,502	90.04%	67.46	134.92%									
5	Thị trấn An Châu, huyện Sơn Động	4,968	62.10%	2.12	15.14%	Thị trấn An Châu					9,416	117.70	20.22	144.43
6	Xã An Châu, huyện Sơn Động	4,448	88.96%	18.1	36.20%									
7	Thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động	3,848	48.10%	21.06	150.43%	Thị trấn Tây Yên Tử					5,959	74.49	82.06	586.14
8	Xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động	2,111	42.22%	61.00	122.00%									
9	Thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn	7,743	96.79%	2.70	19.29%	Thị trấn Chũ					14,625	182.81	12.84	91.71
10	Xã Nghĩa Hồ, huyện Lục Ngạn	6,882	137.64%	10.14	20.28%									
11	Thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang	7,383	92.29%	3.41	24.36%	Thị trấn Vôi					16,855	210.69	12.13	86.64
12	Xã Phi Mô, huyện Lạng Giang	9,472	189.44%	8.72	17.44%									
13	Thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên	6,756	84.45%	2.58	18.43%	Thị trấn Cao Thượng					13,323	166.54	9.44	67.43
14	Xã Cao Thượng, huyện Tân Yên	6,567	131.34%	6.86	13.72%									
15	Thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa	5,635	70.44%	1.21	8.64%	Thị trấn Thắng					18,833	235.41	11.35	81.07
16	Xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa	13,198	164.98%	10.14	20.28%									
17	Thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	7,538	94.23%	6.07	43.36%	Thị trấn Bích Động					14,151	176.89	12.8	91.43
18	Xã Bích Sơn, huyện Việt Yên	6,613	82.66%	6.73	13.46%									
19	Thị trấn Nénh, huyện Việt Yên	9,082	113.53%	5.66	40.43%	Thị trấn Nénh					20,196	252.45	12.51	89.36
20	Xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên	11,114	138.93%	6.85	13.70%									
21	Thị trấn Tân Dân, huyện Yên Dũng	6,215	77.69%	4.68	33.43%	Thị trấn Tân An					9,966	124.58	9.15	65.36
22	Xã Tân An, huyện Yên Dũng	3,751	75.02%	4.47	8.94%									

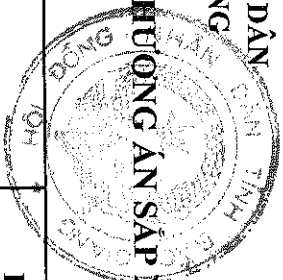




**PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2019-2021**

Huyện Lạng Giang

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 11/7/2019)



TT	Tên đơn vị hành chính	Dân số		Diện tích (Km <sup>2</sup> )		Đơn vị hành chính cấp xã mới						Ghi chú	
		Số người	Đạt %	km <sup>2</sup>	Đạt %	Tên xã, thị trấn	Dân số	Đạt %	Diện tích	Đạt %			
<b>I</b>													
Phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã có cả 2 tiêu chuẩn dưới 50% thuộc diện phải sắp xếp giai đoạn 2019-2021													
1	Thị trấn Kép, huyện Lạng Giang	2,672	33.40%	0.61	4.36%	Thị trấn Kép							
2	Xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang	9,160	183.20%	9.03	18.06%								
<b>II</b>													
Phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện khuyến khích để giảm đơn vị hành chính													
1	Thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang	7,383	92.29%	3.41	24.36%	Thị trấn Vôi							
2	Xã Phi Mô, huyện Lạng Giang	9,472	189.44%	8.72	17.44%								



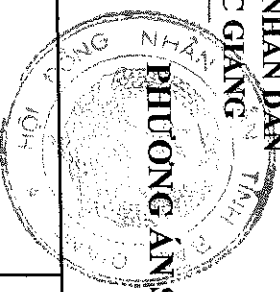










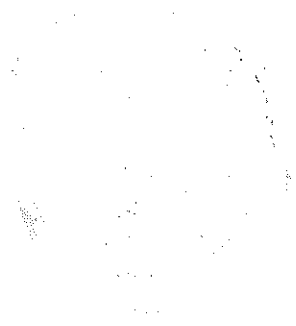


**PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2019-2021**

Huyện Sơn Động

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 11/7/2019)

TT	Tên đơn vị hành chính	Dân số		Diện tích (Km <sup>2</sup> )		Đơn vị hành chính cấp xã mới						Ghi chú
		Số người	Đạt %	km <sup>2</sup>	Đạt %	Tên xã, thị trấn	Dân số	Đạt %	Diện tích	Đạt %		
<b>I</b>												
Phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã có cả 2 tiêu chuẩn dưới 50% thuộc diện phải sắp xếp giai đoạn 2019-2021												
1	Xã Thạch Sơn, huyện Sơn Động	486	9.72%	20.65	41.30%	Xã Phúc Sơn	1,822	36.44	39.39	78.78		
2	Xã Phúc Thắng, huyện Sơn Động	1,336	26.72%	18.74	37.48%							
3	Xã Vĩnh Khương, huyện Sơn Động	2,068	41.36%	16.55	33.10%	Xã Vĩnh An	7,576	151.52	28.93	57.86		
4	Xã An Lập, huyện Sơn Động	5,508	110.16%	12.38	24.76%							
5	Xã Chiên Sơn, huyện Sơn Động	2,299	45.98%	5.68	11.36%	Xã Đại Sơn	5,502	110.04	15.59	31.18		
6	Xã Quế Sơn, huyện Sơn Động	3,203	64.06%	9.91	19.82%							
<b>II</b>												
Phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện khuyến khích để giảm đơn vị hành chính												
1	Xã Bồng Am, huyện Sơn Động	892	17.84%	30.41	60.82%	Xã Tuấn Đạo	5,394	107.88	97.87	195.74		
2	Xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động	4,502	90.04%	67.46	134.92%							
3	Thị trấn An Châu, huyện Sơn Động	4,968	62.10%	2.12	15.14%	Thị trấn An Châu	9,416	117.70	20.22	144.43		
4	Xã An Châu, huyện Sơn Động	4,448	88.96%	18.1	36.20%							
5	Thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động	3,848	48.10%	21.06	150.43%	Thị trấn Tây Yên Tử	5,959	74.49	82.06	586.14		
6	Xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động	2,111	42.22%	61.00	122.00%							



**PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2019-2021**

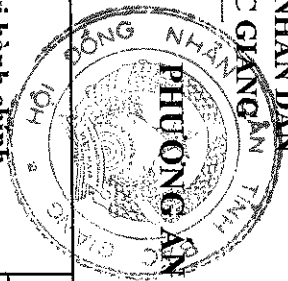
Huyện Tân Yên

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 11/7/2019)

TT	Tên đơn vị hành chính	Dân số		Diện tích (Km <sup>2</sup> )		Đơn vị hành chính cấp xã mới						Ghi chú
		Số người	Đạt %	km <sup>2</sup>	Đạt %	Tên xã, thị trấn	Dân số	Đạt %	Diện tích	Đạt %		
<b>I</b>												
Phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã có cả 2 tiêu chuẩn dưới 50% thuộc diện phải sắp xếp giai đoạn 2019-2021												
1	Thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên	3.173	39,66%	1,32	9,43%	Thị trấn Nhã Nam		8.200	102,50	5,6	40,00	
2	Xã Nhã Nam, huyện Tân Yên	5.027	100,54%	4,28	8,56%							
<b>II</b>												
Phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện khuyến khích để giảm đơn vị hành chính												
1	Thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên	6.756	84,45%	2,58	18,43%	Thị trấn Cao Thượng		13,323	166,54	9,44	67,43	
2	Xã Cao Thượng, huyện Tân Yên	6.567	131,34%	6,86	13,72%							







**PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2019-2021**

Huyện Yên Dũng

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HPND ngày 11/7/2019)

TT	Tên đơn vị hành chính	Dân số		Diện tích (Km <sup>2</sup> )		Đơn vị hành chính cấp xã mới						Ghi chú
		Số người	Đạt %	km <sup>2</sup>	Đạt %	Tên xã, thị trấn	Dân số	Đạt %	Diện tích	Đạt %		
<b>I Phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã có cả 2 tiêu chuẩn dưới 50% thuộc diện phải sắp xếp giai đoạn 2019-2021</b>												
1	Xã Thăng Cương, huyện Yên Dũng	2,358	47.16%	5.18	10.36%	Thị trấn Nham Biền						
2	Xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng	5,588	111.76%	10.98	21.96%	Thị trấn Nham Biền						
3	Thị trấn Neo, huyện Yên Dũng	6,274	78.43%	5.80	41.43%							
<b>II Phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện khuyến khích để giảm đơn vị hành chính</b>												
1	Thị trấn Tân Dân, huyện Yên Dũng	6,215	77.69%	4.68	33.43%	Thị trấn Tân An						
2	Xã Tân An, huyện Yên Dũng	3,751	75.02%	4.47	8.94%							



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG

**PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2019-2021**

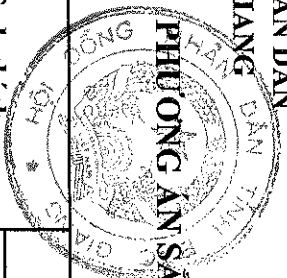
Huyện Yên Thế

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 11/7/2019)

TT	Tên đơn vị hành chính	Dân số		Diện tích (Km <sup>2</sup> )		Đơn vị hành chính cấp xã mới						Ghi chú
		Số người	Đạt %	km <sup>2</sup>	Đạt %	Tên xã, thị trấn	Dân số	Đạt %	Diện tích	Đạt %		
<b>I</b>	<b>Phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã có cả 2 tiêu chuẩn dưới 50% thuộc diện phải sắp xếp giai đoạn 2019-2021</b>											
1	Thị trấn Cầu Gồ, huyện Yên Thế	3,980	49.75%	1.96	14.00%	Thị trấn Phồn Xương						
2	Xã Phồn Xương, huyện Yên Thế	4,456	89.12%	6.59	13.18%		8,436	105.45	8.55	61.07		
<b>II</b>	<b>Phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện khuyến khích để giảm đơn vị hành chính</b>											
1	Xã Bó Hạ, huyện Yên Thế	6,371	127.42%	6.27	12.54%	Thị trấn Bó Hạ						
2	Thị trấn Bó Hạ, huyện Yên Thế	4,037	50.46%	1.00	7.14%		10,408	130.10	7.27	51.93		



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG



**PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP DVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2019-2021**

Huyện Việt Yên

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 11/7/2019)

TT	Tên đơn vị hành chính	Dân số		Diện tích (Km <sup>2</sup> )		Đơn vị hành chính cấp xã mới						Ghi chú
		Số người	Đạt %	Đạt %	Đạt %	Tên xã, thị trấn	Dân số	Đạt %	Diện tích	Đạt %		
I												
Phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã có cả 2 tiêu chuẩn dưới 50% thuộc diện phải sắp xếp giai đoạn 2019-2021												
	Không có											
II												
Phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện khuyến khích để giảm đơn vị hành chính												
1	Thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	7,538	94.23%	6.07	43.36%	Thị trấn Bích Động		14,151	176.89	12.8	91.43	
2	Xã Bích Sơn, huyện Việt Yên	6,613	82.66%	6.73	13.46%							
3	Thị trấn Nénh, huyện Việt Yên	9,082	113.53%	5.66	40.43%	Thị trấn Nénh		20,196	252.45	12.51	89.36	
4	Xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên	11,114	138.93%	6.85	13.70%							

